

Số: **2256**/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **01** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2220/TTr-STP ngày 14/9/2018, Tờ trình số 2260/TTr-STP ngày 1/9/2018 và Tờ trình số 2334/TTr-STP ngày 26/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi (03 thủ tục) trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp, (19 thủ tục) trong lĩnh vực Chứng thực, danh mục thủ tục hành chính thay thế (05 thủ tục) trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.

- Bãi bỏ 05 thủ tục trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở đã công bố tại Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

- Bãi bỏ 01 thủ tục trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện; 04 thủ tục trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông của các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã kể từ ngày ký.

- Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải đầy đủ nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Trang Thông tin điện tử của Sở, ngành liên quan và niêm yết, công khai việc tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo việc niêm yết, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang Thông tin điện tử của cấp huyện; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã; thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC – VP Chính phủ;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó CVP Bùi Quang Toàn;
- Trung tâm TH&CB tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (H. Thành 24b)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Quang

Phần I.

**DANH MỤC TTHC LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH HÒA BÌNH**

(Kèm theo Quyết định số : 2256/QĐ-UBND ngày 01/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi
I	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	T-HBI-261030-TT	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được	- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	200.000đồng/lần/người.	- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Quyết định số 2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

			xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.			
2	T-HBI-261035-TT	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.	Không quy định	- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Quyết định số 2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	T-HBI-261328-TT	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan	10 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu	- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;	Không quy định	- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy

		tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	hợp lệ. Trường hợp người được yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày.	- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.		định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp. - Quyết định số 2244/QĐ-BTP ngày 24/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
II Thủ tục hành chính áp dụng chung						
1	TT-HBI-279130-TT TT-HBI-279131-TT	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày làm việc, trường hợp yêu cầu cấp qua bưu điện thì thời hạn được thực hiện ngay sau	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, tổ chức quản lý sổ gốc. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp, các cơ quan, tổ chức quản	Không quy định	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư

	TT-HBI-279143-TT		khi cơ quan, tổ chức nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo dấu bưu điện	lý số gốc.		pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	TT-HBI-279132-TT TT-HBI-279144-TT	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày làm việc, Nếu vụ việc phức tạp được kéo thêm thời gian không quá 2 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã; Tổ chức hành nghề Công chứng. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp, Tổ chức hành nghề Công chứng.	2.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/trang	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	TT-HBI-279133-	Chứng thực bản sao từ	Trong ngày làm việc, Nếu	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện,	2.000 đồng/trang, tối đa thu không quá	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ

	TT	bản chính giấy giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	vụ việc phức tạp được kéo thêm thời gian không quá 2 ngày làm việc	cấp xã, Tổ chức hành nghề Công chứng. - Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp, Tổ chức hành nghề Công chứng.	200.000 đồng/trang	Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	TT-HBI-279134-TT TT-HBI-279145-TT	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực	Trong ngày làm việc, Nếu vụ việc phức tạp được kéo thêm thời gian không quá 2 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã, Tổ chức hành nghề Công chứng. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp, Tổ chức hành nghề Công	10.000 đồng/trường hợp	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu,

		điểm chi và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chi được)		chúng.		chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	TT-HBI-279135-TT TT-HBI-279146-TT	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày làm việc, Nếu vụ việc phức tạp được kéo thêm thời gian không quá 2 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ

						<p>công chứng viên.</p> <p>- Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
6	<p>TT-HBI-279136-TT</p> <p>TT-HBI-279147-TT</p>	<p>Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch</p>	<p>Trong ngày làm việc, Nếu vụ việc phức tạp được kéo thêm thời gian không quá 2 ngày làm việc</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã.</p> <p>- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp</p>	<p>25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch</p>	<p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực</p> <p>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.</p> <p>- Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản</p>

7	TT-HBI-279137-TT TT-HBI-279148-TT	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày làm việc, Nếu vụ việc phức tạp được kéo thêm thời gian không quá 2 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp	2.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/trang	lý của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
III Thủ tục hành chính cấp huyện						
1	TT-HBI-279138-TT	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là	Trong ngày làm việc. nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

		cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	giờ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			- Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
2	TT-HBI-279139-TT	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải	Trong ngày làm việc. nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ hoặc có thể kéo dài	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp	10.000 đồng/trường hợp	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP

		là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực, Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo hoặc phải kéo dài thời gian theo thỏa thuận thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
3	TT-HBI-279140-TT	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp.	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc

			<p>hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.</p>			<p>công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.</p>
4	TT-HBI-279141-TT	<p>Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản</p>	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp 	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

			Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
5	TT-HBI-279142-TT	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện. - Cơ quan thực hiện: Phòng Tư pháp	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

			phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
IV Thủ tục hành chính cấp xã						
1	TT-HBI-279149-TT	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

			quả cho người yêu cầu chứng thực.			
2	TT-HBI-279150-TT	Chứng thực di chúc	<p>Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã 	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

3	TT-HBI-279151-TT	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã 	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
4	TT-HBI-279152-TT	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp 	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

		mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	xã		- Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
5	TT-HBI-279153-TT	Chúng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa	- Nộp trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực. - Quyết định số 1024/QĐ-BTP ngày 09/5/2018 của Bộ Tư pháp về việc công bố về việc công bố thủ tục hành chính sửa

			thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.
--	--	--	---	--	--	---

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I. Thủ tục hành chính cấp huyện						
1		Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng	- Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện; hoặc nộp qua đường bưu điện. - Cơ quan thực hiện: Ủy	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

		đền sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	đền sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	ban nhân dân cấp huyện.		
II.	Thủ tục hành chính cấp xã					
1		Thủ tục bầu hòa giải viên	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận, Trả kết quả cấp xã.	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2		Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận, Trả kết quả cấp xã.	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
3		Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận, Trả kết quả cấp xã.	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
4		Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận, Trả kết quả cấp xã.	Không	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I	TTHC cấp huyện		
1		Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
II	TTHC cấp xã		
1		Thủ tục bầu hòa giải viên	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
2		Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
3		Thủ tục thôi làm hòa giải viên	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp
4		Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Quyết định số 2338/QĐ-BTP ngày 06/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp